

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

2. Ông Bùi Đức Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị T** - sinh năm 1989;

ĐKHKT: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: H township, C county, Z No89, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh K, sinh năm 1964 (là bố đẻ chị T)

Nơi ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Trần Quý H** – sinh năm 1983;

ĐKHKT: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

3. Người làm chứng:

- Ông Trần Văn C – sinh năm 1951 và Bà Hà Thị L – sinh năm 1953 (là bố mẹ đẻ anh H)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bà Lê Thị T – sinh năm 1969 (là mẹ đẻ chị T)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh H, ông K, bà T, ông C, bà L đều vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Quý H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Sau đó, chị T và anh H đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Quý H để chị sớm ổn định cuộc sống. Hiện chị T đang ở nước ngoài nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết vắng mặt.

Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Quý H có một con chung là Trần Huyền M - sinh ngày 09/3/2011. Ly hôn chị tự nguyện đồng ý anh H là người nuôi con chung, chị và anh H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 27/2/2022 anh Trần Quý H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quý H và chị Bùi Thị T kết hôn vào ngày 31/12/2009, có đăng ký kết hôn tại xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người có sự khác biệt về tính cách, quan điểm sống. Vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H và chị T có một con chung là Trần Huyền M - sinh ngày 09/3/2011. Ly hôn anh nhận nuôi dưỡng con chung, anh và chị T đã tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh đang làm việc tại nước ngoài nên anh tiếp tục để ông Bùi Minh K và bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi anh về nước.

Về tài sản: Anh và chị T không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 17/2/2022 của Tòa án với ông Trần Văn C, bà Hà Thị L là bố mẹ đẻ anh H; bà Lê Thị T là mẹ đẻ chị T đều thống nhất trình bày:

Chị T và anh H có quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn như anh H, chị T trình bày là đúng, tuy nhiên anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định về hôn nhân và tài sản chung của mình. Cháu Trần Huyền M là con chung của anh H chị T, hiện cháu đang học tại trường Tiểu học Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên hai bên gia đình nội ngoại đều có thể thăm nom và chăm sóc cho cháu trong thời gian chị T và anh H làm việc tại Đài Loan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H, xử giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quý H có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào văn bản chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Văn bản số 3363 ngày 22/2/2022 của Cục xuất nhập cảnh Bộ công an xác định chị T và anh H hiện đang làm việc tại Đài Loan, đều đã có bản tự khai, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T, anh H, xét xử vắng mặt các đương sự và Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Chị T, anh H đều trình bày trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống. Từ năm 2016, chị T, anh H đã sống ly thân, hiện cả hai đều đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T, anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T, anh H có một con chung là Trần Huyền M - sinh ngày 09/3/2011. Ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị T đồng ý. Chị T và anh H đã tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh H và chị T đều đang làm việc tại Đài Loan có văn bản đề nghị tiếp tục giao con chung cho ông Bùi Bá K và bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tại buổi làm việc với ông C bà L, bà T đều đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị của anh H. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của các bên đương sự để cháu M ổn định tâm lý và yên tâm học tập. Do đó cần xử giao con chung là Trần Huyền M cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trần Quý H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Trần Huyền M - sinh ngày 09/3/2011 cho anh Trần Quý H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T, anh H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T có quyền thăm nom con chung. Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

số 0005242 ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình (do ông Bùi Minh K nộp thay).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Song Lãng, H.Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Hằng**